

QUẢN TRỊ RỦI RO THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Ngày 15/4/2014, tại Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Viện Chiến lược Ngân hàng đã phối hợp tổ chức tọa đàm khoa học với chủ đề về “**Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp**”. Tham gia tọa đàm với sự tham gia của gần 70 nhà khoa học, chuyên gia đến từ các cơ quan quản lý, các viện nghiên cứu, các ngân hàng thương mại... TS. Hoàng Huy Hà, Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV chủ trì tọa đàm; ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc BIDV chủ trì phần thảo luận.

Chương trình tọa đàm diễn ra với các nội dung trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu khảo sát của nhóm nghiên cứu để tài BIDV, nội dung triển khai quản lý rủi ro (QLRR) theo Basel II tại Việt Nam do ông Steve Punch - KPMG trình bày, kinh nghiệm các ngân hàng quốc tế trong việc áp dụng và đề xuất chính sách về tiêu chuẩn an toàn do ông John Grist - Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam trình bày; thực tiễn QLRR tín dụng tại các ngân hàng và các vấn đề cần xem xét trong thời gian tới do ông Nguyễn Huy Cường, Công ty Kiểm toán Ernst & Young trình bày và các nội dung thảo luận trao đổi kinh nghiệm từ phía khách mời và diễn giả với các nội dung chính như sau:

1. Báo cáo kết quả nghiên cứu, khảo sát của để tài

Theo kết quả nghiên cứu và khảo sát, trong thời gian qua mặc dù hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đã có nhiều nỗ lực thay đổi phát triển và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro nhưng các hoạt động chủ yếu vẫn tập trung vào các công cụ QLRR truyền thống và chưa ứng dụng thực tiễn các công cụ QLRR hiện đại để lượng hóa rủi ro. QLRR tại các ngân hàng Việt Nam còn khoảng cách khá xa so với thực



Việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tiên tiến là xu hướng tất yếu của hệ thống các NHTM Việt Nam

hành QLRR tại các ngân hàng hiện đại trên thế giới. Về cơ chế, chính sách QLRR của hệ thống các NHTM Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế, theo kết quả khảo sát chỉ có 58% các ngân hàng đã xây dựng đủ chính sách rủi ro cho cả 3 loại rủi ro là rủi ro thị trường, tác nghiệp và tín dụng.

Về rủi ro tín dụng: Hầu hết các NHTM đều đã thành lập cơ quan quản lý tín dụng cấp cao như Ủy ban tín dụng thuộc Hội đồng quản trị (90%), Hội đồng ALCO (89%) tuy nhiên mức độ QLRR tín dụng tập trung của các ngân hàng vẫn còn ở mức thấp, mới chỉ có 56% các ngân hàng đã thực hiện.

Các công cụ QTRR tín dụng được sử dụng vẫn chủ yếu là ba công cụ truyền thống gồm: Quản lý danh mục tín dụng (83%); Quản lý hạn mức, giới hạn tín dụng (83%) và phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro (100%). Các công cụ QLRR hiện đại mới chỉ được áp dụng tại một số ít ngân hàng lớn: Xác định các tham số rủi ro theo Hiệp ước Basel II (Xác suất vỡ nợ của khách hàng vay vốn PD, EAD, LGD): 17% ngân hàng đang nghiên cứu triển khai; kiểm nghiệm giả thuyết (Back Testing) và kiểm tra sức

chịu đựng (Stress testing) có 10% ngân hàng đang nghiên cứu áp dụng.

Việc áp dụng khuyến nghị Basel II trong QLRR tín dụng hiện nay được hầu hết các ngân hàng (90%) quan tâm nghiên cứu triển khai áp dụng. Theo kết quả khảo sát, hiện đã có 24% ngân hàng được khảo sát đã chủ động nghiên cứu áp dụng mô hình định lượng trong QLRR tín dụng; 68% ngân hàng đang quan tâm và sẽ thực hiện mô hình định lượng trong ngắn hạn; chỉ có 2/30 ngân hàng khảo sát không quan tâm công cụ QLRR hiện đại do năng lực tài chính hạn chế, chưa thể triển khai trong ngắn hạn. Theo khuyến nghị của Ủy ban Basel, đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện bởi các phương pháp sau: Phương pháp chuẩn Basel I (SA I); phương pháp chuẩn Basel II (SA II); phương pháp IRB cơ bản và IRB nâng cao. Kết quả khảo sát có 15% ngân hàng đã thực hiện QLRR tín dụng theo phương pháp/mô hình chuẩn hóa (SA); 54% ngân hàng áp dụng mô hình xếp hạng nội bộ cơ bản (IRB); 01 ngân hàng áp dụng mô hình xếp hạng nội bộ IRB nâng cao; 02 ngân hàng áp dụng kết hợp cả mô hình chuẩn hóa và mô hình xếp hạng nội bộ;

có 02 ngân hàng hiện chưa triển khai xây dựng công cụ đo lường rủi ro tín dụng. Kết quả khảo sát về mức độ áp dụng các công cụ QLRR tại các NHTM Việt Nam

Rủi ro tín dụng		Rủi ro thị trường		Rủi ro tác nghiệp	
Công cụ	% NH	Công cụ	% NH	Công cụ	% NH
VaR tín dụng <small>vấn đề chưa áp dụng</small>	0%	VaR thị trường <small>vấn đề chưa áp dụng</small>	20%	Bảo hiểm	23%
Back test	10%	Yêu cầu vốn tối thiểu	<20%	Tự đánh giá kiểm soát - CSA	25%
Stress test	10%	Khe hở nhạy cảm lãi suất	>50%	Ma trận rủi ro	40%
Tổn thất ngoài dự kiến	13%	Áp dụng phương pháp mô hình chuẩn hóa SMM	9%	Sự cố rủi ro	46%
Xác suất vỡ nợ - PD	17%	Áp dụng phương pháp mô hình nội bộ IMA	48%	Tự đánh giá RR và kiểm soát - RCSA	62%
Vốn yêu cầu tối thiểu	30%	Chưa thực hiện mô hình định lượng	39%	Giao dịch nghi ngờ bất thường	54%
Hệ thống cảnh báo sớm rủi ro	63%			Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP)	53%
Quản lý danh mục TD	83%			Dấu hiệu RR chủ yếu (KSI)	52%
Quản lý hạn mức/giới hạn TD	83%			Khác	6%
Trích lập DPRR	100%				

Về rủi ro thị trường: Hầu hết các ngân hàng Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng các công cụ truyền thống để quản lý. Một trong các công cụ quản lý hiện đại như giá trị rủi ro -VaR là một công cụ rất quan trọng để đo lường mức độ rủi ro thị trường, thì theo kết quả khảo sát, tỷ lệ các ngân hàng sử dụng còn rất thấp chỉ khoảng từ 20 - 30%. Một số ngân hàng thậm chí chưa quản lý công cụ QLRR lãi suất (10%), rủi ro thanh khoản, giá cổ phiếu và giá trái phiếu mặc dù đây là một trong những rủi ro trọng yếu của ngân hàng, đặc biệt là rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Hầu hết các ngân hàng Việt Nam chưa ứng dụng các công cụ QLRR hiện đại như: kiểm tra sức chịu đựng (stresstest), vốn yêu cầu tối thiểu, kiểm nghiệm giả thuyết (Backtest), mô phỏng Monte Carlo hoặc nếu có thì chủ yếu mới ở giai đoạn nghiên cứu, thí điểm, chưa đưa vào làm công cụ thường xuyên để QLRR.

QLRR thị trường theo khuyến nghị Basel II có thể được thực hiện theo 2 phương pháp là phương pháp mô hình nội bộ (IMA) và mô hình chuẩn hóa (SMM). Theo kết quả khảo sát, 50% số ngân hàng sử dụng phương pháp mô hình nội bộ, 12% sử dụng phương pháp chuẩn hóa, 4% sử dụng cả 2 phương pháp. Có tới 19% số ngân hàng được khảo sát không thực hiện QLRR thị trường theo các phương pháp trên. Kết quả khảo sát cũng cho thấy hiện nay đã có 66% số ngân hàng thực hiện QLRR thị trường theo Hiệp ước Basel II và khoảng 34% số ngân hàng vẫn chưa áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro hiện đại theo Hiệp ước Basel II. Phương pháp mô hình nội bộ được các ngân hàng ưu tiên sử dụng do nó có ưu điểm là gắn với mức độ rủi ro thực tế của ngân hàng. Tuy nhiên, phương pháp mô hình nội bộ chỉ có thể được sử dụng nếu ngân hàng thỏa mãn các tiêu chuẩn định tính và định lượng được quy định trong Basel. Do vậy, rất khó để đánh giá tính chính xác và khách quan của các mô hình QLRR các ngân hàng đang sử dụng.

Về rủi ro hoạt động/tác nghiệp: Đối với công cụ QLRR tác nghiệp, mặc dù là lĩnh vực mới mẻ hơn so với QLRR thị trường nhưng qua khảo sát thực tế áp dụng có khả quan hơn so với QLRR thị trường trong việc ứng dụng các công cụ hiện đại theo thông lệ quốc tế. Nhiều ngân hàng đã sử dụng các công cụ QLRR tác nghiệp hiện đại như RCSA (Risk and Control Self - Assessment), KRI (Key Risk Indicators), BCP (Business Continuity Planning) (trên 50% tổng số ngân hàng được khảo sát sử dụng các công cụ này). Trong khi đó, các công cụ truyền thống như ma trận rủi ro, sự cố rủi ro, bảo hiểm được các ngân hàng sử dụng ít hơn với tỷ lệ khoảng từ 30-60%. Điều này cho thấy, các ngân hàng ưu tiên sử dụng các công cụ hiện đại hơn so với các công cụ truyền thống trong công tác QLRR tác nghiệp. Ngoài ra, các ngân hàng

cũng rất linh hoạt trong việc sử dụng kết hợp nhiều công cụ hỗ trợ QLRR tác nghiệp, kết hợp cả công cụ truyền thống và hiện đại.

Theo Hiệp ước Basel II, có 3 phương pháp xác định rủi ro tác nghiệp là: chỉ số cơ bản (BIA), chuẩn hóa (SA), mô hình tiên tiến (AMA). Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 29% số ngân hàng đã xác định vốn yêu cầu tối thiểu cho rủi ro tác nghiệp, trong đó, 37% sử dụng phương pháp chỉ số cơ bản (BIA) và 26% sử dụng phương pháp chuẩn hóa (SA). Chỉ có 7% số ngân hàng sử dụng phương pháp mô hình tiên tiến (AMA) do phương pháp này khá phức tạp, đòi hỏi thời gian và chi phí. Có 4% số các ngân hàng sử dụng cả ba phương pháp trên để QLRR tác nghiệp. Phương pháp đo lường tiên tiến có ưu điểm là lượng hóa cụ thể các rủi ro tác nghiệp, mức độ nhạy cảm với rủi ro rất cao và sử dụng dữ liệu tổn thất thực tế và tình huống để đo lường vốn yêu cầu.

Qua phân tích kết quả khảo sát thực trạng hơn 30 NHTM Việt Nam thời điểm năm 2013 cho thấy, công tác QLRR tín dụng, QLRR thị trường và tác nghiệp tại các ngân hàng Việt Nam đã đạt được những thành tựu cơ bản. Bên cạnh trọng tâm truyền thống về công tác QLRR tín dụng, các ngân hàng ngày càng nhận rõ vai trò của QLRR thị trường và tác nghiệp. Nhiều công cụ đã được thiết lập và triển khai, một số ngân hàng đã và đang từng bước ứng dụng các mô hình quản trị rủi ro hiện đại theo chuẩn mực Basel II. Tuy nhiên, mức độ áp dụng vẫn còn ở mức khởi điểm, bắt đầu.

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu và khảo sát về thực trạng QLRR tại các NHTM Việt Nam thời gian qua, nhóm nghiên cứu đã có một số gợi ý ban đầu về những nhiệm vụ, định hướng, chính sách và giải pháp phát triển hệ thống quản trị rủi ro tại Việt Nam trong thời gian tới như sau:

- Thiết lập hệ thống pháp lý hoàn chỉnh về QLRR, từng bước đưa ra lộ trình cụ thể, phù hợp để tiến tới áp dụng được chuẩn mực Basel trong toàn hệ thống ngân hàng: Khung QLRR, hệ

thống XHTDNB, hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ... Đồng thời xây dựng các hạn mức theo chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo an toàn hệ thống.

- Phát triển mô hình, công cụ QLRR, tập trung một số vấn đề: (i) Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống XHTDNB; (ii) Xây dựng quy trình lượng hoá và dự báo rủi ro tín dụng, thị trường và tác nghiệp; (iii) Đào tạo và phát triển văn hoá QLRR theo thông lệ trong toàn hệ thống; (iv) Xây dựng và duy trì hiệu quả cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của các mô hình dự báo và định lượng rủi ro.

- Nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ QLRR ngân hàng, tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu, nâng cao nhận thức cán bộ, phổ biến các thông lệ và chuẩn mực quốc tế tới các cán bộ.

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng trình độ công nghệ, đặc biệt là ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại vào quản trị rủi ro ngân hàng.

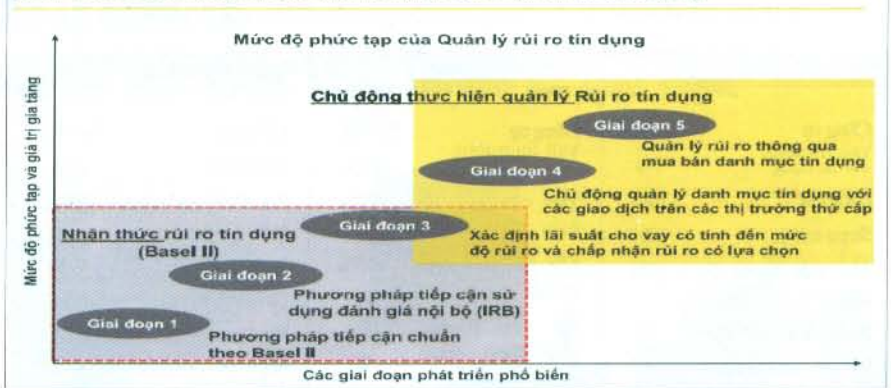
- Tăng cường thanh tra, giám sát, kiên quyết buộc các ngân hàng yếu kém phải cơ cấu lại, sát nhập, tăng cường năng lực tài chính và nghiệp vụ QLRR hiện đại.

2. Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Theo các diễn giả và chuyên gia trong nước và quốc tế trình bày tại tọa đàm cho thấy, việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tiên tiến là xu hướng tất yếu của hệ thống các NHTM Việt Nam cần phải đạt được, tuy nhiên, về lộ trình thực hiện cần được tính toán thật cẩn trọng do có sự cách biệt, khoảng cách khá xa giữa hiện trạng năng lực của hệ thống NHTM Việt Nam với các điều kiện, yêu cầu thực hiện. Kinh nghiệm triển khai tại các quốc gia trên thế giới cho thấy quá trình triển khai áp dụng các chuẩn mực của Việt Nam sẽ phải đối mặt với khá nhiều những khó khăn và thách thức như: (Hình 1)

- Khoảng cách giữa thực trạng và năng lực quản trị rủi ro của hệ thống NHTM Việt Nam so với quốc tế còn khá lớn so với yêu cầu. Cụ thể ngay từ QLRR tín dụng Việt Nam hiện nay vẫn đang

Hình 1: Các giai đoạn phát triển trong Quản lý rủi ro tín dụng



Nguồn: Tài liệu trình bày của Nguyễn Huy Cường - Công ty kiểm toán Ernst & Young

ở giai đoạn tiếp cận phương pháp tiêu chuẩn, tức là trình độ phát triển thấp nhất trong lộ trình phát triển quản trị rủi ro tín dụng quốc tế tiên tiến.

- Thời gian để triển khai áp dụng các thông lệ quản trị rủi ro quốc tế như Basel II thường mất khá nhiều thời gian, kinh nghiệm triển khai tại các ngân hàng quốc tế thường phải kéo dài trong vòng 05 năm và nó sẽ tác động đến toàn bộ hoạt động của ngân hàng từ quản trị, điều hành, tài chính, rủi ro, công nghệ, đơn vị kinh doanh và tác nghiệp. Riêng về cơ chế, chính sách quản trị để có thể phù hợp hệ thống chuẩn mực mới cũng sẽ mất khá nhiều thời gian, trên thực tế để triển khai áp dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ - ICAAP các ngân hàng quốc tế đã phải thực hiện trong 04 năm.

- Tính sẵn sàng của dữ liệu cũng cần nghiên cứu và tính toán kỹ trong quá trình xác định lộ trình áp dụng và triển khai. Theo kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, để có thể tính toán, áp dụng các công cụ phần mềm rủi ro hiện đại thì hệ thống dữ liệu cần được xây dựng mới với nhiều trường dữ liệu phức tạp và phải đảm bảo có tính thống kê lịch sử liên tiếp và đầy đủ trong nhiều năm. Ví dụ như với việc tính toán dự báo xác suất vỡ nợ - PD thì dữ liệu thống kê cần tối thiểu trong vòng 05 năm còn để tính toán dự báo thiệt hại do vỡ nợ - LGD cần dữ liệu thống kê tối thiểu là 7 năm.

- Việc áp dụng hệ thống chuẩn mực tiên tiến cũng cần có sự đầu tư nâng cấp và đồng bộ với hạ tầng công nghệ của các NHTM để có thể sẵn sàng triển

khai các giải pháp, phần mềm ứng dụng QLRR tín dụng, thị trường, giao dịch kinh doanh, định giá...

- Về kinh nghiệm triển khai Basel II, khi sử dụng phương pháp tiêu chuẩn SA (Standardized) để tính phân bổ vốn theo rủi ro, ngân hàng có thể phân loại theo 8 mảng nghiệp vụ chính để nhân theo các hệ số quy đổi rủi ro khác nhau. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy các ngân hàng trên thế giới hoạt động theo quy mô, cơ cấu mảng nghiệp vụ rất khác nhau/đặc thù vì vậy nhiều trường hợp rất khó áp vào 8 loại hình và hiện tại một số ngân hàng như ANZ vẫn chưa tìm được giải pháp phù hợp theo khuyến nghị Basel.

- Chất lượng và trình độ nguồn nhân lực trong quản trị rủi ro cũng cần được tính toán kỹ trong quá trình triển khai. Hiện nay Việt Nam chưa hình thành đầy đủ đội ngũ quản trị rủi ro chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu quản trị rủi ro tiên tiến. Hệ thống yêu cầu chức danh chuyên nghiệp và các chứng chỉ quản trị rủi ro vẫn chưa được xây dựng và hướng dẫn cụ thể.

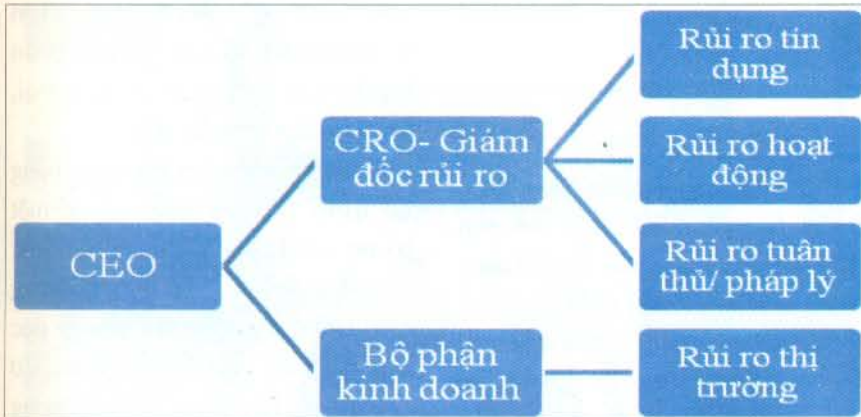
- Để có thể áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quản trị rủi ro tiên tiến thì hệ thống các NHTM Việt Nam cần xem xét chuyển đổi mô hình tổ chức quản trị rủi ro cùng các quy trình hướng dẫn theo như mô hình của các ngân hàng quốc tế tiên tiến đang áp dụng. Cụ thể một số nội dung như:

+ Chuyên nghiệp hóa chức danh người đứng đầu bộ phận rủi ro là Giám đốc rủi ro - CRO.

+ Xem xét đặt bộ phận rủi ro thị trường cùng với bộ phận kinh doanh.

+ Hình thành hệ thống kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Mô hình QTRRQT theo tài liệu trình bày của John Grist - Công ty kiểm toán Deloitte



3. Một số nội dung thảo luận và đề xuất kiến nghị

Với các bài trình bày, ý kiến tham gia, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm tại buổi tọa đàm, các diễn giả, đại biểu đã đóng góp rất tích cực cho đề tài khoa học về các nội dung phân tích thực trạng và các đề xuất kiến nghị. Các đại biểu cũng đi đến các thống nhất các ý kiến như sau:

Thống nhất và đánh giá cao nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong thời gian qua đã hoàn thành khối lượng công việc khá lớn và đạt được kết quả rất tích cực và cụ thể. Kết quả nghiên cứu của đề tài cả về nội dung lý luận và khảo sát thực tiễn đã đóng góp rất thiết thực và kịp thời cho quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro của hệ thống các NHTM hiện nay. Bên cạnh đó trên cơ sở báo cáo nghiên cứu thực trạng, nhóm nghiên cứu có thể tham khảo bổ sung các đề xuất kiến nghị với các cơ quan quản lý, NHNN và các NHTM trong việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về an toàn và quản trị rủi ro như sau:

Đối với cơ quan quản lý và NHNN:

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hành lang pháp lý và cần có thêm nhiều hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế như Basel II.

- Nâng cao vai trò giám sát của NHNN cũng như nội tại TCTD, vai trò của lãnh đạo (trong ISO9001 gọi là sự tham gia của Lãnh đạo).

- Về việc xếp hạng: Để thực hiện được Basel II, bắt buộc tài sản có rủi ro phải được rating theo khách hàng, hay nói cách khác, việc xếp hạng theo chuẩn mực quốc tế phải được thúc đẩy ở Việt Nam.

- Dự phòng: Hiện tại trong thông tư QLRR có quy định dự phòng cho RRTT, TN tham chiếu theo Điều 62, tuy nhiên Điều 62 chỉ nói về dự phòng trong điều kiện kinh doanh liên tục (BCP), thực tế cần có thêm cả dự phòng trong điều kiện kinh doanh thông thường.

- Nâng cao vai trò của CIC và phát triển hệ thống các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập: Tạo môi trường thông tin công khai, minh bạch, độc lập và khách quan cho thị trường. Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện phát triển CIC trở thành trung tâm lưu trữ dữ liệu tập trung và thống nhất để là cơ sở dữ liệu các ngân hàng khai thác đánh giá kịp thời, hiệu quả trong tương lai.

- Xây dựng các chuẩn mực, yêu cầu nghề nghiệp, các chức danh quản lý, chứng chỉ nghề nghiệp và KPI rõ ràng để có được hệ thống quy định về QLRR một cách chuyên nghiệp và hiện đại.

- Tính toán, xác định lộ trình cho các NHTM áp dụng chuẩn mực và thông lệ quốc tế như Basel trên cơ sở cân nhắc, xem xét và rà soát kỹ lưỡng trên cơ sở đánh giá đúng khả năng đáp ứng, sẵn sàng của hệ thống dữ liệu; thực trạng chất lượng và trình độ nguồn nhân lực trong quản trị rủi ro; khả năng xây dựng và áp dụng các cơ chế chính sách và mô hình quản trị rủi ro trong nội tại các NHTM và các yếu tố cách biệt khác giữa thực trạng năng lực với chuẩn mực quốc tế.

- Tăng cường các kênh thông tin trao đổi với các đơn vị tham gia thị trường, các NHTM, các tổ chức định chế liên quan trong quá trình ban hành các quy định chính sách.

Đối với các NHTM

- Trong quá trình nghiên cứu triển khai áp dụng các chuẩn mực tiên tiến về quản trị rủi ro mà các NHTM cần quan tâm xây dựng, hình thành văn hóa và nhận thức về quản trị rủi ro. Việc hình thành tốt văn hóa và nhận thức về rủi ro sẽ là bước chuẩn bị trước giúp các NHTM vượt qua các rào cản, lo ngại về những khó khăn và thách thức trong quá trình triển khai áp dụng như theo báo cáo khảo sát năm 2013 của KPMG, hai khó khăn chung được các NHTM nhắc đến nhiều nhất khi triển khai áp dụng Basel II là chi phí triển khai (85% ý kiến khảo sát) và thiếu dữ liệu lịch sử (78% ý kiến khảo sát).

- Xem xét xây dựng tốt hệ thống cơ sở dữ liệu trên 4 khía cạnh, tích hợp mọi nguồn dữ liệu, tăng cao độ tin cậy, luôn làm sạch, làm giàu. Do hệ thống thông tin ở Việt Nam thiếu và không đồng bộ nên các ngân hàng cần có ngay giải pháp nâng cao khối lượng và chất lượng dữ liệu cũng như chuẩn hóa và làm sạch nguồn dữ liệu. Bên cạnh đó, các ngân hàng phải xây dựng bộ phận lưu trữ dữ liệu đảm bảo thông suốt và có thể khai thác tốt.

- Chuẩn bị nguồn nhân lực quản trị rủi ro chuyên nghiệp và hiện đại để xây dựng hệ thống, chính sách QLRR hay nâng cấp, cập nhật hệ thống trong các năm sau này khi phát sinh những biến động trong kinh doanh và tình hình hoạt động của các ngân hàng, tránh trường hợp các ngân hàng phải phụ thuộc vào các nhà tư vấn hoặc cung cấp phần mềm, thông qua hình thức tập trung đào tạo mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

- Xây dựng và duy trì hiệu quả cơ chế kiểm tra và giám sát hoạt động của các mô hình dự báo và định lượng rủi ro. Để thực hiện các NHTM cần thiết kế và triển khai cơ cấu kiểm soát với các nhân tố: độc lập, minh bạch, liên tục, phân định trách nhiệm rõ ràng, cơ chế sử dụng kết quả xếp hạng, rà soát hệ thống xếp hạng, kiểm toán nội bộ và giám sát của Hội đồng quản trị và Ban quản lý cấp cao chặt chẽ. Đồng thời, dù các ngân hàng có thể linh hoạt trong việc kết hợp các nhân tố trên trong, song quan trọng nhất, họ vẫn phải tích hợp công việc kiểm tra và kiểm soát đầy đủ để đảm bảo rằng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng hoạt động đúng đắn.

TH